

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ QUYỀN CON NGƯỜI VÀO XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM HIỆN NAY

TUỜNG DUY KIÊN *

Kế thừa truyền thống dân tộc và các giá trị của nhân loại, đặc biệt là lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại một di sản tư tưởng đồ sộ, trong đó có tư tưởng về pháp quyền và quyền con người. Có thể khẳng định, tôn trọng, bảo vệ quyền con người trong nhà nước pháp quyền là “sợi chỉ đỏ” xuyên suốt tư tưởng của Người, vừa đóng góp vào các giá trị chung về quyền con người của nhân loại, vừa định hướng cho hoạt động của Đảng và Nhà nước trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.

Những nội dung cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người

Nội dung tư tưởng của Hồ Chí Minh về quyền con người (QCN) là một hệ thống thống nhất, biện chứng, bao quát trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội; trong đó, QCN của mỗi cá nhân luôn gắn với độc lập dân tộc, với quyền dân tộc tự quyết, với tiến trình đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người; đồng thời, đề cao vai trò, trách nhiệm của Nhà nước, hệ thống pháp luật và của đội ngũ cán bộ, công chức trong tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ QCN, đặc biệt là các nhóm yếu thế; thể hiện tính nhân đạo, khoan dung, bình đẳng, đoàn kết, hòa hiếu với các dân tộc/quốc gia trên thế giới...

Có thể khái quát tư tưởng Hồ Chí Minh về QCN ở một số nội dung chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia - điều kiện tiên quyết bảo đảm quyền con người.

Khác với cách tiếp cận QCN của các học giả phương Tây khi đề cao quyền tự nhiên, bẩm sinh, đôi khi tuyệt đối hóa quyền tự do cá nhân, tiếp cận QCN trong tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ xuất phát từ những giá trị phổ quát, mà còn từ truyền thống dân tộc, từ thực tiễn Việt Nam đang là nước thuộc địa và nửa phong kiến. Chủ tịch Hồ Chí Minh sớm nhận thức rõ mối quan hệ chặt chẽ giữa quyền tự do cá nhân với độc lập dân tộc. Người hiểu rõ, một dân tộc bị nô lệ thì người dân ở đó không thể có tự do, không thể có QCN. Vì thế, khát vọng cháy bỏng, “sợi chỉ đỏ” xuyên suốt trong tư tưởng Hồ Chí Minh trước hết là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Đấu tranh giành quyền tự do, dân chủ của nhân dân phải gắn liền với đấu tranh giành độc lập dân tộc; nói cách khác, độc lập dân tộc,

* PGS, TS, Viện trưởng Viện Quyền con người, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

chủ quyền quốc gia là điều kiện quan trọng nhất để bảo đảm QCN. Do vậy, “Dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”; “Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”⁽¹⁾ và “KHÔNG CÓ GÌ QUÝ HƠN ĐỘC LẬP, TỰ DO”⁽²⁾.

Nét đặc sắc trong cách tiếp cận của Chủ tịch Hồ Chí Minh về QCN được thể hiện rõ ngay trong bản *Tuyên ngôn Độc lập* bất hủ (năm 1945), khi dẫn quyền sống, quyền tự do, quyền bình đẳng, quyền mưu cầu hạnh phúc được nêu trong Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mỹ và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791. Từ chỗ là quyền gắn liền với mỗi cá nhân, Người nâng lên thành quyền đương nhiên của mọi quốc gia - dân tộc, bằng cách suy rộng ra: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”⁽³⁾.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia và QCN có mối quan hệ chặt chẽ với nhau; muốn có QCN thì phải giành độc lập dân tộc, nhưng khi giành được độc lập, các quốc gia phải có trách nhiệm bảo đảm cuộc sống hạnh phúc, ấm no cho tất cả người dân trong phạm vi lãnh thổ quốc gia đó. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ, “nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”⁽⁴⁾. Người nhấn mạnh: “Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ”⁽⁵⁾. Như vậy, độc lập dân tộc chỉ là phương tiện để đạt được mục tiêu cuối cùng là tự do, hạnh phúc cho mọi người, mọi nhà. Đó là đóng góp lớn đầu tiên của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào giá trị phổ quát về QCN và bảo đảm QCN.

Thứ hai, đề cao quyền con người, các quyền tự do, dân chủ phải được thể chế hóa bằng Hiến pháp, pháp luật và bảo vệ, bảo đảm bằng Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Ngay sau khi nước nhà vừa giành được độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh xây dựng kế hoạch và triển khai hàng loạt nhiệm vụ, như tổ chức tổng tuyển cử toàn quốc, thành lập Chính phủ và ban hành Hiến pháp để bảo đảm các quyền tự do, dân chủ cho nhân dân. Tại cuộc họp đầu tiên của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Người chỉ ra 6 nhiệm vụ cấp bách, trong đó có nhiệm vụ ban hành Hiến pháp để bảo đảm quyền tự do dân chủ. Người nói: “Trước chúng ta đã bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế, nên nước ta không có hiến pháp. Nhân dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ. Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc TỔNG TUYỂN CỬ với chế độ phổ thông đầu phiếu. Tất cả công dân trai gái mười tám tuổi đều có quyền ứng cử và bầu cử, không phân biệt giàu nghèo, tôn giáo, dòng giống, v.v.”⁽⁶⁾.

Bản Hiến pháp đầu tiên của Việt Nam, do Chủ tịch Hồ Chí Minh là Trưởng ban soạn thảo, được tiến hành công phu trong suốt 15 tháng⁽⁷⁾, bởi những nhà cách mạng và nhân sĩ, trí thức nổi tiếng, lại được Quốc hội (gồm nhiều đảng phái), thảo luận kỹ nhiều ngày và được thông qua với đa số tán thành⁽⁸⁾,

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 4, tr. 534

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 15, tr. 130

(3), (4), (5) (6) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 4, tr. 1, 64, 175, 7

(7) Bắt đầu từ tháng 9-1945 và được thông qua tại Kỳ họp thứ hai của Quốc hội khóa I, vào tháng 11-1946.

(8) Xem trang sau

không chỉ thể hiện trí tuệ tập thể, mà còn là sự đồng tâm, đoàn kết của mọi tầng lớp nhân dân trong xây dựng một xã hội mới ở Việt Nam. Hiến pháp năm 1946 đã kế thừa được những tinh hoa của nhân loại, đặc biệt là nhiều tư tưởng lập hiến tiên bộ của các nước phương Tây; nhờ đó, nhiều quy định của văn bản này đến nay vẫn hết sức hiện đại và có giá trị lâu bền⁽⁹⁾.

Trong các QCN, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đề cao nội dung bảo vệ các quyền tự do dân chủ của nhân dân. Trong *Bản Yêu sách của nhân dân An Nam* năm 1919, Người yêu cầu: “1. Tổng ân xá cho tất cả những người bản xứ bị án tù chính trị; 2. Cải cách nền pháp lý ở Đông Dương bằng cách cho người bản xứ cũng được quyền hưởng những *đảm bảo về mặt pháp luật* như người Âu châu; *xoá bỏ hoàn toàn* các tòa án đặc biệt dùng làm công cụ để khủng bố và áp bức bộ phận trung thực nhất trong nhân dân An Nam; 3. Tự do *báo chí* và tự do *ngôn luận*; 4. Tự do *lập hội* và tự do *hội họp*; 5. Tự do *cư trú* ở nước ngoài và tự do *xuất dương*; 6. Tự do *học tập*, thành lập các trường kỹ thuật và chuyên nghiệp ở tất cả các tỉnh cho người bản xứ; 7. Thay *chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật*; 8. Đoàn đại biểu thường trực của người bản xứ, do người bản xứ bầu ra, tại Nghị viện Pháp để giúp cho Nghị viện biết được những nguyện vọng của người bản xứ”⁽¹⁰⁾. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, “cải cách nền pháp lý...; thay chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật” với hàm ý, pháp luật cần phải thể hiện ý chí, trí tuệ của đa số, tức là phải được ban hành bằng một cơ quan đại diện cho ý chí của nhân dân. Điều đó phản ánh tính dân chủ trong xây dựng pháp luật - ý chí của số đông, chứ không phải ý chí chủ quan của một cá nhân.

Từ những chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đề cao QCN, quyền tự do dân chủ

của nhân dân, Hiến pháp năm 1946 được xây dựng trên cơ sở ba trụ cột là: Đoàn kết toàn dân, không phân biệt giống nòi, gái - trai, giai cấp, tôn giáo; bảo đảm các quyền tự do, dân chủ; thực hiện chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân. Bởi vì, nếu không đoàn kết toàn dân (tức không huy động được sự tham gia của người dân - một trong những QCN, quyền tham gia công việc nhà nước và xã hội) thì sẽ không tạo được sức mạnh của cả dân tộc. Nếu không bảo đảm được các quyền tự do dân chủ (một nội dung cơ bản của QCN) thì sẽ không mang lại sự tiến bộ và còn là nguồn gốc của chia rẽ, độc đoán, chuyên quyền. Nếu không có một chính quyền đủ mạnh và công tâm thì sẽ không thể quản trị được quốc gia, không đủ sức đương đầu với các thế lực luôn rắp tâm nô dịch dân tộc, không thể đưa đất nước phát triển vững bước trên con đường tiến bộ, văn minh.

Thứ ba, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, trước hết là trách nhiệm của Đảng và Chính phủ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến nghĩa vụ, trách nhiệm của Chính phủ trong quan hệ đối với người dân: “Chính phủ ta đã hứa với dân, sẽ gắng sức làm cho ai nấy đều có phần hạnh phúc... Chúng ta phải hiểu rằng, các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật”⁽¹¹⁾; “Nhân dân có quyền đôn đốc và phê bình Chính phủ. Chính phủ thì việc to

(8) Nhóm soạn thảo gồm 18 người; có 240 đại biểu nhất trí (2 đại biểu không tán thành).

(9) Như về tổ chức nhà nước, tổ chức xã hội, về QCN.

(10) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 1, tr. 441

(11) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 4, tr. 64 - 65

việc nhỏ đều nhằm mục đích phục vụ lợi ích của nhân dân”⁽¹²⁾. Theo Người, bản chất của chế độ dân chủ là: Nhân dân là “chủ”, còn Chính phủ là “đầy tớ” của nhân dân. Nhân dân có quyền “đuôi chính phủ” là một quyền chính trị rất đặc biệt, vừa là QCN, vừa là quyền dân chủ/làm chủ của người dân. Luận điểm này cho thấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng về một chính quyền của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, đang được khởi xướng, xây dựng ở Việt Nam.

Trong tác phẩm *Sửa đổi lỗi làm việc* (năm 1947), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề lại những chỉ dẫn quan trọng đối với Đảng, các tổ chức đảng và mỗi cán bộ, đảng viên. Người coi trọng vai trò của đảng cầm quyền, đặt trách nhiệm của Đảng ngang với trách nhiệm của Chính phủ: “Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi”⁽¹³⁾. Đây là nội dung cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò, trách nhiệm của Đảng và Nhà nước trong tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ QCN; đồng thời, thể hiện sự sáng tạo lý luận của Người, mà trước đó, chưa nhà tư tưởng, chính trị nào đề cập tới một cách sâu sắc như vậy. Ngày nay, tôn trọng, bảo vệ và thúc đẩy QCN, được xác định trước hết là trách nhiệm, nguyên tắc, chuẩn mực quốc tế mà các quốc gia trên thế giới đều có nghĩa vụ thực hiện.

Thứ tư, bảo vệ quyền con người của các nhóm yếu thế trong xã hội.

Nếu tư tưởng nhân đạo, nhân quyền thể hiện trong các tư tưởng chính trị, học thuyết triết học, đặc biệt là tôn giáo đều hướng tới và quan tâm đến bệnh vực, nâng đỡ những nhóm xã hội yếu thế nhất, thì những người mác-xít còn tiến xa hơn, với việc đưa những nhóm xã hội yếu thế lên địa vị làm chủ đất nước. Vì vậy, không phải ngẫu nhiên mà nước Nga

Xô viết là một trong những hình mẫu có sức hấp dẫn lớn đối với nhiều nhà cách mạng, trong đó có Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong suốt quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết nhiều bài báo về thực tiễn xây dựng xã hội mới ở nước Nga Xô viết, trong đó có thành tựu bảo vệ QCN đối với phụ nữ, trẻ em và các nhóm yếu thế khác.

Phụ nữ là nhóm chịu nhiều thiệt thòi trong xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn chia sẻ những thiệt thòi mà họ phải chịu đựng và kiên trì nâng cao nhận thức xã hội về việc đẩy lùi thái độ coi thường, áp bức phụ nữ, khuyến khích xã hội thực hiện trên thực tế quyền bình đẳng của họ, cả trong chiến tranh cũng như trong thời bình. Theo Người, “Chúng ta làm cách mạng là để tranh lấy bình quyền bình đẳng, trai gái đều ngang quyền như nhau”⁽¹⁴⁾. Thực hiện đấu tranh giải phóng dân tộc là để góp phần giành quyền lợi về phía phụ nữ, bởi lẽ khi dân tộc chưa độc lập thì quyền lợi của người phụ nữ cũng chưa được giải phóng; quyền phụ nữ luôn gắn chặt với quyền dân tộc, quyền lợi giai cấp và QCN.

Nhận thức rõ trẻ em là tương lai của đất nước, tiền đồ của dân tộc, nên Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên quan tâm đến các em nhỏ, cả về đời sống vật chất và tinh thần. Đối với người khuyết tật, Người cũng nhắc nhở, “tàn nhưng không phế”; mọi người đều được quan tâm và tạo điều kiện tham gia những công việc phù hợp.

Rõ ràng, tư tưởng Hồ Chí Minh về QCN hết sức phong phú, đa dạng, là di sản tinh thần to lớn, “kim chỉ nam” có giá trị định hướng trong hoạch định mọi đường lối, chủ

(12), (13) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 9, tr. 90, 518

(14) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 15, tr. 260

trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ta.

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người vào xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, QCN và nhà nước pháp quyền có mối quan hệ chặt chẽ với nhau; bởi vì, đó là hai mặt trong một chỉnh thể thống nhất. QCN chỉ có thể bảo vệ hiệu quả trong nhà nước pháp quyền dân chủ và tiến bộ; ngược lại, xây dựng nhà nước pháp quyền chỉ có thể thành công, hiệu quả nếu QCN được tôn trọng và bảo vệ.

Trải qua các kỳ đại hội, Đảng ta nhận thức ngày càng sâu sắc, toàn diện và có bước phát triển mới về quan điểm, định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tại các Đại hội IV, V, VI của Đảng đến Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991), Đảng ta xác định xây dựng nhà nước chuyên chính vô sản: “Là tổ chức thể hiện và thực hiện ý chí, quyền lực của nhân dân, thay mặt nhân dân, *Nhà nước* ta phải có đủ quyền lực và đủ khả năng định ra luật pháp và tổ chức, quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật”⁽¹⁵⁾. Tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII của Đảng (1-1994), lần đầu tiên Đảng ta chính thức đề cập đến thuật ngữ “nhà nước pháp quyền” trong văn kiện của Đảng. Kể từ đó đến nay, vấn đề xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trở thành một nội dung quan trọng trong chủ trương, đường lối của Đảng, thể hiện ở tất cả văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc cũng như trong nhiều văn kiện Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng⁽¹⁶⁾. Nghiên cứu vận dụng và phát triển

sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về QCN vào xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, cần triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ sau đây:

Thứ nhất, tiếp tục đổi mới, nâng cao nhận thức về quyền con người trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Quyền con người là những giá trị nhân văn của toàn nhân loại; việc tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ hiệu quả QCN có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển con người toàn diện của mỗi cá nhân và sự ổn định, phát triển thịnh vượng chung của cộng đồng, dân tộc. Trong khi cần đấu tranh chống những hành vi lợi dụng nhân quyền để vi phạm pháp luật, cũng cần đấu tranh phản bác các quan điểm cho rằng, QCN là những giá trị ngoại lai, xa lạ, “nhạy cảm”, nên không thực sự cần thiết và chưa phù hợp với Nhà nước và xã hội Việt Nam để đối phó, thậm chí đi đến phủ nhận giá trị nhân văn, phổ quát của QCN.

(15) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (Khóa VI, VII, VIII, IX, X), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, Phần I, tr. 422

(16) Điển hình như: Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 23-1-1995, của Hội nghị Trung ương 8 khóa VII, “Về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính”; Nghị quyết số 03-NQ/TW, ngày 18-6-1997, của Hội nghị Trung ương 3 khóa VIII, “Về phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh”; Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 3-6-2017, của Hội nghị Trung ương 5 khóa XII, “Về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”; Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25-10-2017, của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 9-11-2022, của Hội nghị Trung ương 6 khóa XIII, “Về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới”;...

Trong bối cảnh Việt Nam triển khai thực hiện *Chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045*, cần khẳng định vị trí, tầm quan trọng đặc biệt của QCN, quyền công dân trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ QCN, quyền công dân không những là nguyên tắc, tiêu chí của nhà nước pháp quyền, mà còn là một yêu cầu để bảo đảm thành công cho quá trình hội nhập quốc tế, hội nhập khu vực của Việt Nam trong thời gian tới.

Thứ hai, hoàn thiện thể chế và thiết chế bảo đảm quyền con người trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Quyền con người là vấn đề rất rộng, gắn với mọi phương diện hoạt động của nhà nước và xã hội. Vì vậy, để bảo đảm hiệu quả các QCN, cần hoàn thiện khung khổ pháp luật về quyền (thể chế) và củng cố hệ thống các cơ quan, tổ chức (thiết chế) có chức năng, nhiệm vụ bảo vệ, thúc đẩy nhân quyền.

Về hoàn thiện thể chế: Để có cơ sở pháp lý cho tôn trọng, bảo vệ QCN, đáp ứng yêu cầu của công cuộc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân đòi hỏi xây dựng được hệ thống pháp luật với các tiêu chí pháp luật rõ ràng, minh bạch, công khai, ổn định, dễ tiếp cận, vừa phù hợp với điều kiện, bối cảnh kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của Việt Nam, vừa phải phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế về QCN, bảo đảm an ninh con người, hợp đồng và tài sản của cá nhân và doanh nghiệp. Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh yêu cầu: “Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm yêu cầu

phát triển nhanh, bền vững”⁽¹⁷⁾; đồng thời, “Hoàn thiện hệ thống pháp luật phù hợp với những điều ước quốc tế và cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết”⁽¹⁸⁾.

Trong thời gian tới, yêu cầu đặt ra là cần tiếp tục rà soát hệ thống pháp luật hiện hành, trong đó có pháp luật về QCN. Tiếp tục thể chế hóa và thực hiện hiệu quả các QCN đã được Hiến pháp năm 2013 quy định. Đưa nguyên tắc tiếp cận dựa trên QCN trở thành một yêu cầu và tiêu chí đánh giá bắt buộc trong các hoạt động xây dựng và thực thi chính sách, pháp luật ở mọi cấp độ.

Nghiên cứu xây dựng hoàn thiện pháp luật bảo đảm các quyền dân sự, chính trị theo định hướng nhân đạo, lấy phòng ngừa là chính. Trước hết, cần tiếp tục thể chế hóa và thực hiện có hiệu quả các QCN đã được Hiến pháp năm 2013 quy định; rà soát, đánh giá tính tương thích giữa quy định tại các dự thảo luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội với Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Hoàn thiện các quy định về chế độ sở hữu, phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp, khai thác tối đa tiềm năng, trí tuệ, bảo đảm khởi nghiệp và thực hiện quyền tự do kinh doanh; hoàn thiện thiết chế và cơ chế giải quyết tranh chấp dân sự, kinh doanh, thương mại, bảo vệ quyền tài sản, nhân thân phi tài sản.

Hoàn thiện quyền của các nhóm dễ bị tổn thương, xây dựng chính sách, biện pháp và ưu tiên nguồn lực cho việc tiếp cận an sinh xã hội, các dịch vụ y tế, giáo dục và nhà ở cho phụ nữ, trẻ em, người già, người khuyết tật, người nghèo. Nghiên cứu ban

(17), (18) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr. 175, 135

hành đạo luật tổng hợp về chống phân biệt đối xử, nhằm tạo cơ sở pháp lý bảo đảm thực hiện đầy đủ và hiệu quả hơn, chống các hình thức phân biệt đối xử trên mọi lĩnh vực, trong đó cần liệt kê đầy đủ danh mục các lý do có thể dẫn tới phân biệt đối xử, bao gồm lý do vì chủng tộc, màu da, dân tộc hoặc nguồn gốc xã hội, xuất thân, tình trạng khuyết tật, độ tuổi, xu hướng tình dục và bản dạng giới hay bất kỳ tình trạng nào khác; rà soát và đề xuất hoàn thiện pháp luật nhằm bảo đảm bình đẳng giới, chống phân biệt đối xử trên cơ sở giới, người nhiễm HIV/AIDS...

Về hoàn thiện thể chế: Sửa đổi, bổ sung các luật về tổ chức bộ máy nhà nước, bổ sung nguyên tắc công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm QCN. Cụ thể hóa nghĩa vụ, trách nhiệm và cơ chế, tiêu chí giám sát, đánh giá việc thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm về tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm QCN của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị; phát huy vai trò của tòa án trong việc bảo vệ công lý, bảo vệ QCN. Nâng cao năng lực và tính hiệu quả đối với việc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm QCN của các cơ quan khác trong bộ máy nhà nước, bao gồm Quốc hội (đặc biệt là vai trò giám sát thực hiện các điều ước quốc tế về QCN); Chủ tịch nước (đặc biệt là vai trò trong cải cách tư pháp để phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế về nhân quyền; Chính phủ (đặc biệt trong việc triển khai thực hiện cách tiếp cận QCN trong xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật có liên quan đến nhân quyền, nhất là sử dụng hiệu quả phương pháp tiếp cận QCN trong xây dựng và hoạch định các chính sách, chương trình phát triển kinh tế - xã hội; không chỉ đánh giá tác động về giới, mà còn phải đánh giá tác động chính sách đối với QCN). Hoàn thiện cơ chế bồi thường và khắc phục hậu quả các hành vi xâm phạm QCN, phát triển

đồng bộ các dịch vụ pháp lý nhằm nâng cao năng lực tiếp cận công lý, tiếp cận pháp luật về QCN của người dân.

Tăng cường vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc thúc đẩy sự tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm QCN; đặc biệt, thông qua việc giám sát hoạt động, tố cáo hành vi vi phạm của các cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức, cũng như trong việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nhân quyền và hỗ trợ các đối tượng là nạn nhân của hành vi xâm phạm QCN.

Thứ ba, cần gắn kết vấn đề bảo đảm quyền con người với việc kiểm soát quyền lực nhà nước.

Kiểm soát quyền lực nhà nước là phương thức hữu hiệu không chỉ để phòng, chống tham nhũng, mà còn để phòng ngừa những hành vi tùy tiện tước bỏ hay hạn chế QCN, quyền công dân từ phía các cơ quan và công chức nhà nước; do đó, để bảo đảm hiệu quả các QCN, cần gắn với việc hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước.

Quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đòi hỏi cần có cơ chế bảo vệ Hiến pháp hiệu quả nhằm bảo đảm tính thượng tôn của pháp luật, bảo vệ QCN, nhất là phán quyết về những hành vi vi hiến, xâm phạm QCN. Cơ chế bảo hiến giúp kiểm soát và cân bằng các nhánh quyền lực, củng cố tính hợp hiến trong hoạt động của bộ máy nhà nước, tránh sự lạm quyền của các nhánh quyền lực này - một đòi hỏi quan trọng của nhà nước pháp quyền. Cơ chế bảo vệ Hiến pháp còn là công cụ pháp lý để giải quyết các hành vi vi phạm Hiến pháp; đồng thời, giúp hạn chế việc xây dựng, thông qua các văn bản vi phạm các quy định của Hiến pháp về QCN.

Thứ tư, tăng cường vai trò của luật sư, phát triển đồng bộ các dịch vụ pháp lý nhằm nâng cao năng lực tiếp cận công lý,

tiếp cận pháp luật về quyền con người của người dân.

Trong nhà nước pháp quyền, vai trò của luật sư đặc biệt quan trọng đối với bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của cá nhân, công dân. Do vậy, yêu cầu đặt ra là cần tăng cường cả về số lượng và chất lượng đội ngũ luật sư, trợ giúp viên pháp lý và các dịch vụ pháp lý có chất lượng cao, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu hỗ trợ pháp lý cho người dân. Chú trọng phát triển mạng lưới trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, đối tượng chính sách, đối tượng dễ bị tổn thương trong xã hội, các nhóm bị xâm hại tình dục, nạn nhân bạo lực gia đình. Đẩy mạnh xã hội hóa một số hoạt động hỗ trợ tư pháp nhằm đa dạng hóa các loại hình dịch vụ trợ giúp pháp lý, tạo sự lựa chọn cho người dân.

Thứ năm, tăng cường tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức xã hội về quyền con người và đẩy mạnh đối thoại, hợp tác quốc tế về quyền con người.

Về giáo dục QCN: Giáo dục QCN không chỉ nâng cao tri thức, ý thức tuân thủ pháp luật nói chung, mà còn là một cách thức trao quyền để người dân có thể tự bảo vệ quyền của mình và biết tôn trọng quyền và tự do của người khác. Nhận thức đầy đủ, đúng đắn về QCN giúp mỗi người hành xử đúng, tránh được những nhận thức và hành động cực đoan, đặc biệt là nhận diện được các hành vi lợi dụng QCN vi phạm pháp luật. Các chỉ thị, quy định của Đảng và Nhà nước đều nhấn mạnh việc tăng cường công tác giáo dục về QCN cho mọi tầng lớp xã hội; trong đó, quan tâm giáo dục về QCN cho đối tượng học sinh, sinh viên, đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào trong các tôn giáo; đồng thời, chú trọng giáo dục QCN cho cán bộ, công chức, viên chức các cấp, đặc biệt là đưa nội dung QCN vào chương trình giáo

dục trong hệ thống giáo dục quốc dân, nhằm thúc đẩy và nâng cao nhận thức của toàn xã hội về tầm quan trọng, ý nghĩa của việc thúc đẩy, bảo vệ QCN.

Đối thoại và hợp tác quốc tế về QCN: Thông qua hoạt động hợp tác quốc tế, một mặt, tranh thủ các nguồn lực, chia sẻ những kinh nghiệm tốt trong việc bảo đảm QCN; mặt khác, làm rõ quan điểm, cách tiếp cận và thực tiễn QCN của Việt Nam, đấu tranh với các mưu đồ áp đặt “dân chủ”, “nhân quyền” của các thế lực thù địch, phản động, phân tử cơ hội chính trị.

Với tinh thần chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, Việt Nam đã tham gia vào một số cơ chế quốc tế và khu vực về QCN; đã mở nhiều kênh đối thoại QCN (bao gồm ngoại giao nhà nước và ngoại giao nhân dân) với nhiều quốc gia và tổ chức khu vực; các hội thảo quốc tế về QCN đã được tổ chức ở Việt Nam. Thực tiễn hợp tác trên lĩnh vực QCN đã cung cấp nguồn lực và kinh nghiệm quý, góp phần giải quyết tốt nhiều vấn đề cụ thể⁽¹⁹⁾. Cũng thông qua hợp tác quốc tế, các đối tác hiểu rõ hơn cách tiếp cận và thực tiễn bảo đảm, thúc đẩy QCN ở Việt Nam. Trong bối cảnh mới, tiếp tục kiên trì phương châm đối ngoại “vừa hợp tác, vừa đấu tranh”, với tinh thần “là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế”, Nhà nước Việt Nam cam kết “Tích cực hợp tác cùng các nước, các tổ chức khu vực và quốc tế...; sẵn sàng đối thoại với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực có liên quan về vấn đề dân chủ, nhân quyền”⁽²⁰⁾. □

(19) Như đã đạt được những thành tựu quan trọng trong bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em; đẩy lùi nạn bạo lực gia đình, thu hút sự tham gia của phụ nữ trong mọi hoạt động xã hội; bảo đảm bình đẳng giới; giải quyết các vấn đề nước sạch, bảo vệ môi trường...

(20) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 237